

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PVOIL MIỀN
TRUNG TÀI QUẢNG TRỊ

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN CỬA HÀNG XĂNG DẦU HẢI LĂNG
TẠI THỊ TRẤN DIÊN SANH, HUYỆN HẢI LĂNG,
TỈNH QUẢNG TRỊ

HẢI LĂNG, THÁNG 5/2024

CHI NHÁNH CÔNG TY CP XĂNG DẦU DẦU KHÍ PVOIL MIỀN
TRUNG TẠI QUẢNG TRỊ

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN CỬA HÀNG XĂNG DẦU HẢI LĂNG TẠI THỊ TRẤN
DIÊN SANH, HUYỆN HẢI LĂNG, TỈNH QUẢNG TRỊ

CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ:

HẢI LĂNG, THÁNG 5/2024

MỤC LỤC

	Trang
Chương I.....	1
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	1
1. TÊN CHỦ CƠ SỞ	1
2. TÊN CƠ SỞ	1
3. CÔNG SUẤT, CÔNG NGHỆ, SẢN PHẨM CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	2
4. NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU, VẬT LIỆU, PHẾ LIỆU, ĐIỆN NĂNG, HOÁ CHẤT SỬ DỤNG, NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN, NƯỚC CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ	3
5. CÁC THÔNG TIN KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN DỰ ÁN ĐẦU TƯ	4
Chương II	7
SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH,.....	7
KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	7
1. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA, QUY HOẠCH TỈNH, PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG...7	
2. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	7
Chương III.....	8
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	
1. CÔNG TRÌNH BIỆN PHÁP THOÁT NƯỚC MƯA.....	8
2. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ.....	15
3. NHẬN XÉT VỀ MỨC ĐỘ CHI TIẾT.....	16
Chương IV.....	19
1. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI.....	19
2. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI KHI THẢI	21
3. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG	21

Chương V	22
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	22
1. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI	22
Chương VI.....	24
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CƠ SỞ.....	24
1.1 Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.....	24
1.2 Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải.....	24
1.3 Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án.....	24
1.4 Kinh phí quan trắc môi trường hàng năm.....	24
Chương VII	25
CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	25
PHỤ LỤC BÁO CÁO	26

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BOD ₅	Nhu cầu oxy sinh hóa (Biochemical oxygen demand)
COD	Nhu cầu oxy hoá học (Chemical oxygen demand)
CTNH	Chất thải nguy hại
CTR	Chất thải rắn
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
TSP	Tổng bụi lơ lửng
TSS	Tổng chất rắn lơ lửng (Total suspended solids)
UBND	Ủy ban Nhân dân
XLNT	Xử lý nước thải

DANH MỤC CÁC BẢNG

<i>Bảng 1.1. Đặc điểm của các bể chứa xăng dầu.....</i>	<i>2</i>
<i>Bảng 1.2. ước tính các sản phẩm bán trong 1 tháng.....</i>	<i>3</i>
<i>Bảng 1.3. Nhu cầu nguyên vật liệu phục vụ trong kinh doanh.....</i>	<i>3</i>
<i>Bảng 1.4. Nhu cầu sử dụng nước sử dụng nước ở cửa hàng.....</i>	<i>3</i>
<i>Bảng 1.5. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường.....</i>	<i>5</i>
<i>Bảng 1.6. Danh mục trang thiết bị PCCC trang bị tại cửa hàng.....</i>	<i>6</i>
<i>Bảng 1.7. Danh mục máy móc trang thiết bị khác.....</i>	<i>5</i>
<i>Bảng 3.1. Danh mục các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.....</i>	<i>15</i>
<i>Bảng 3.2. Độ tin cậy của các phương pháp đánh giá.....</i>	<i>17</i>
<i>Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo đường nước thải số 01.....</i>	<i>20</i>
<i>Bảng 4.2. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo đường nước thải số 02.....</i>	<i>20</i>
<i>Bảng 5.1. Kết quả chất lượng nước thải đầu ra của cửa hàng xăng dầu.....</i>	<i>22</i>
<i>Bảng 5.2. Kết quả chất lượng không khí xung quanh tại cơ sở.....</i>	<i>23</i>

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

<i>Hình 1.1. Sơ đồ vị trí khu vực thực hiện dự án.....</i>	<i>1</i>
<i>Hình 1.2. Sơ đồ quy trình hoạt động của Cửa hàng.....</i>	<i>2</i>
<i>Hình 3.1. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại.....</i>	<i>10</i>
<i>Hình 3.2. Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý nước thải tập trung.....</i>	<i>10</i>
<i>Hình 4.3. Cấu tạo bể lắng gạn, tách dầu mỡ.....</i>	<i>11</i>

Chương I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. TÊN CHỦ CƠ SỞ

Chi Nhánh Công ty CP Xăng dầu Dầu khí PVOIL Miền Trung tại Quảng Trị

- Địa chỉ trụ sở: QL 1A Khóm 9, Thị trấn Diên Sanh, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị

- Người đại diện theo pháp luật: Ông **Lê Ngọc Minh**; Chức vụ: Giám đốc

- Điện thoại: 0233.3671.357

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4300603574-019 do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp, đăng ký lần đầu ngày 19/5/2021, thay đổi lần thứ 01 ngày 11/04/2023.

- Mã số thuế: 4300603574-019.

2. TÊN CƠ SỞ

Tên cơ sở: CỬA HÀNG XĂNG DẦU HẢI LĂNG

- Địa điểm cơ sở: QL 1A, Khóm 9, Thị trấn Diên Sanh, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.

Tọa độ địa lý (hệ VN-2000) ở giữa khu đất dự án: Tọa độ: X= 16.684647; Y=107.251441. Vị trí khu đất dự án được giới hạn bởi các đối tượng như sau:

- + Phía Đông giáp: Nhà dân;
- + Phía Tây giáp: Quốc lộ 1A;
- + Phía Nam giáp: Nhà dân;
- + Phía Bắc giáp : Nhà dân;



Hình 1.1. Sơ đồ vị trí khu vực thực hiện dự án

- Quy mô của cơ sở:
- + Quy mô của dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): dự án nhóm C.
- + Quy mô về diện tích: 1.556 m².
- + Quy mô cơ sở: mái che trụ bơm, nhà bán hàng, khu bể chứa và các công trình phụ trợ.

3. CÔNG SUẤT, CÔNG NGHỆ, SẢN PHẨM CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

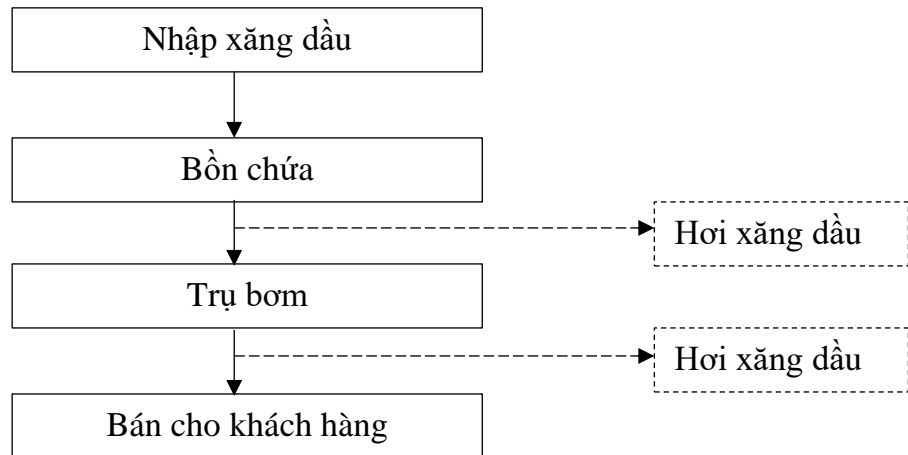
3.1. Công suất của dự án đầu tư

Cửa hàng xăng dầu Hải Lăng hoạt động kinh doanh, buôn bán xăng dầu với tổng sức chứa là 75 m³ xăng dầu các loại.

Bảng 1.1. Đặc điểm của các bể chứa xăng dầu

STT	Loại bể	Số lượng	Dung tích/ sức chứa (m ³)
1	Bể chứa dầu DO	02	55
2	Bể chứa xăng Ron 95	01	25
	Tổng cộng	03	75

3.2. Công nghệ sản xuất của cửa hàng xăng dầu



Hình 1.2. Sơ đồ quy trình hoạt động của Cửa hàng

* *Thuyết minh quy trình hoạt động:*

Nguyên liệu đầu vào của Cửa hàng là xăng, dầu các loại được CHXD Hải Lăng nhập từ kho xăng dầu Cảng Chân Mây trực thuộc công ty tại tỉnh Thừa Thiên Huế.

Xăng, dầu nhập về sẽ được lưu chứa trong các bồn chứa được đặt âm hoàn toàn, phương pháp chuyển xăng, dầu từ các xe bồn đến bể chứa bằng cách tự chảy từ ô tô xitec qua các họng kín vào bể chứa, mỗi loại nhiên liệu sẽ có một bể chứa riêng biệt nhằm tránh việc rò rỉ nhiên liệu trong quá trình nhập. Quá

trình nhập xăng dầu qua các bể chứa xăng/dầu được lắp đặt hệ thống thu hồi hơi theo quy định đảm bảo an toàn cháy nổ và bay hơi ra ngoài không khí.

Cửa hàng sẽ xuất bán lẻ cho các phương tiện bằng các cột bơm điện tử.

3.3. Sản phẩm của cơ sở

CHXD Hải Lăng kinh doanh lĩnh vực bán lẻ nhiên liệu xăng, dầu; các sản phẩm bán ra trong 1 tháng của cơ sở ước tính như sau:

Bảng 1.2 Ước tính các sản phẩm bán trong 1 tháng

STT	Tên mặt hàng	Số lượng sử dụng trong 1 tháng (m ³)
1	Xăng ron95	20
2	Dầu DO	70
Tổng cộng		90

4. NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU, VẬT LIỆU, PHÉ LIỆU, ĐIỆN NĂNG, HOÁ CHẤT SỬ DỤNG, NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN, NƯỚC CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

** Nhu cầu nhiên liệu:*

Các nhiên liệu phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Cửa hàng Hải Lăng được Công ty cung cấp từ kho Xăng dầu Chân Mây của Công ty tại Cảng Chân Mây tỉnh Thừa Thiên Huế. Cụ thể được trình bày trong bảng sau:

Bảng 1.3. Nhu cầu nguyên vật liệu phục vụ cho kinh doanh

STT	Nguyên liệu	Đơn vị	Khối lượng, thể tích ước tính
1	Dầu DO	m ³ /tháng	70
2	Xăng Ron 95	m ³ /tháng	20

** Nhu cầu sử dụng nước:*

Nhu cầu sử dụng nước phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh tại cửa hàng cụ thể như sau:

Bảng 1.4. Nhu cầu sử dụng nước của cửa hàng

TT	Mục đích sử dụng	Quy mô	Định mức	Khối lượng ước tính (m ³ /ngày)
1	Nước cấp cho sinh hoạt của cán bộ, nhân viên	4 người	45 lít/người/ca (*)	0,18
2	Khách hàng	30 người	(**)	0,5
3	Nước vệ sinh Cửa hàng			1

	(vệ sinh nền bãi nhiễm dầu, nước tưới cây và nước chữa cháy)			
Tổng cộng				1,68

** Ghi chú:*

+ (*): TCXDVN 33:2006 - Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình tiêu chuẩn thiết kế.

+ (**): Thực tế tại cửa hàng khách hàng không thường xuyên sử dụng nước tại cửa hàng.

- Nguồn cung cấp nước: Công ty ký hợp đồng sử dụng nước với Xí nghiệp cấp thoát nước khu vực Triệu Hải.

** Nhu cầu sử dụng điện:*

- Nhu cầu sử dụng cho toàn bộ hoạt động của cửa hàng (vận hành máy móc trụ bơm bán hàng, thiết bị điện chiếu sáng): khoảng 8.040 KWh/năm.

- Nguồn cấp điện từ hệ thống lưới điện EVN. Công ty ký hợp đồng sử dụng điện với Chi Nhánh Công ty Điện Lực huyện Hải Lăng.

5. CÁC THÔNG TIN KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN CƠ SỞ

5.1. Các hạng mục công trình chính và phụ trợ của cửa hàng

Trong phạm vi khuôn viên khu đất có diện tích 1.556 m², Công ty bố trí các hạng mục công trình chính và phụ trợ như sau:

- Mái che cột bơm: 200 m².

- Nhà dịch vụ + văn phòng + nghỉ ca + nhà kho: 128 m², bao gồm: phòng làm việc cửa hàng trưởng, phòng giao dịch khách hàng, phòng nghỉ cho cán bộ nhận viên.

- Bể nước PCCC: 8 m².

- Khu vực bồn chứa xăng dầu: 150 m².

- Các công trình phụ trợ khác: đường bãi bê tông, sân bê tông, hệ thống điện, chống sét, tường rào, kè đá, cây xanh,...

- Mật độ xây dựng: 28,35%.

5.2. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường của cơ sở

Bảng 1.5. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường

TT	Các chất thải/ nguồn gây ô nhiễm	Công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường	Số lượng	Đặc điểm
-----------	---	--	-----------------	-----------------

TT	Các chất thải/ nguồn gây ô nhiễm	Công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường	Số lượng	Đặc điểm
1	Nước thải sinh hoạt	- Bể tự hoại 3 ngăn (xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt)	01 bể	Kích thước: 2,92m x 1,92m x 1,7m
2	Nước mưa chảy tràn qua khu vực có nhiễm dầu và nước thải từ các hoạt động của cửa hàng xăng dầu.	- Bể lắng gạn, tách dầu mỡ	01 bể	Kích thước: 3,0m x 1,5m x 2,1m
3	Chất thải rắn sinh hoạt	- Thùng chứa	02 thùng	Dung tích: 100L/thùng
4	Chất thải nguy hại	- Thùng chứa chuyên dụng	03 thùng	Dung tích: 50L/thùng
		- Kho quản lý chất thải nguy hại	01 kho	8 m ²

5.3. Các máy móc, thiết bị phục vụ cho cửa hàng xăng dầu

* *Cột bơm xăng dầu:*

- Vị trí: Các cột bơm xăng dầu được bố trí nổi, bên dưới mái che bán hàng.
- Đặc điểm: Cửa hàng sử dụng các cột bơm TATSUNO do Nhật Bản sản xuất, có lưu lượng hoạt động 45-70 lít/phút.
- Số lượng: 01 cột bơm đôi và 03 cột bơm đơn

* *Trang thiết bị phòng cháy chữa cháy:* Được trang bị đầy đủ theo tiêu chuẩn của cửa hàng xăng dầu bao gồm:

Bảng 1.6. Danh mục trang thiết bị PCCC trang bị tại cửa hàng

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Bình bột ≥ 25 kg	Bình	02
2	Bình bột ≥ 8 kg	Bình	08
3	Bình CO ₂ MT3	Bình	02
4	Xô chữa cháy	cái	02
5	Xẻng chữa cháy	cái	02

6	Chăn cứu hỏa	cái	04
7	Cát	m ³	01

** Máy móc, trang thiết bị khác:*

Bảng 1.7. Danh mục máy móc, trang thiết bị khác

TT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Bộ ứng phó khẩn cấp sự cố tràn dầu	Bộ	01
2	Trang thiết bị văn phòng (máy vi tính, máy in, điện thoại cố định,...)	Hệ thống	01

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA, QUY HOẠCH TỈNH, PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG

Cửa hàng xăng dầu Hải Lăng nằm tại vị trí Quốc lộ 1A, Khóm 9, thị trấn Diên Sanh, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị. Khu đất này đã được UBND tỉnh Quảng Trị ra quyết định giao đất số 1885/QĐ-UBND ngày 15/09/2011.

Dự án đã được Sở Công thương thuộc UBND tỉnh Quảng Trị cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu số 22/GCNĐĐK-SCT ngày 1/7/2021; được Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh ngày 11/4/2023.

Ngành nghề hoạt động của Dự án là kinh doanh, mua bán xăng dầu, không sử dụng các nguyên nhiên liệu cấm trong quá trình hoạt động sản xuất. Dự án không phát sinh các nguồn chất thải độc hại, gây nguy hiểm cho công nhân làm việc tại dự án cũng như dân cư khu vực xung quanh. Sản phẩm kinh doanh của Dự án không thuộc danh mục chất cấm của cơ quan quản lý nhà nước.

Vị trí dự án nằm trên đường thuận tiện giao thông, đáp ứng được nhu cầu của người tiêu dùng tại địa phương và các tỉnh lân cận, góp phần đóng góp vào sự phát triển của địa phương về giải quyết việc làm, đóng góp ngân sách.

Từ những nội dung nhận định trên, vị trí hoạt động Dự án đảm bảo được sự phù hợp về mặt phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

2. SỰ PHÙ HỢP CỦA CỬA HÀNG XĂNG DẦU ĐỐI VỚI KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

Hoạt động của Cửa hàng xăng dầu Hải Lăng tại QL 1A, Khóm 9, thị trấn Diên Sanh, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị có làm phát sinh chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, nước thải,... Tuy nhiên, chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại phát sinh với khối lượng nhỏ và hoàn toàn có thể kiểm soát. Nước thải sinh hoạt được xử lý qua bể tự hoại đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột A) và nước thải nhiễm dầu mỡ sau khi xử lý qua bể tách dầu mỡ đạt QCVN 29:2010/BTNMT, cột A – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu được thoát vào hệ thống mương thoát chung của khu vực. Vì vậy, dự án đáp ứng được khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải. Các kết quả quan trắc hiện trạng môi trường hàng năm cho thấy chất lượng môi trường khu vực còn khá tốt, vẫn đảm bảo khả năng tiếp nhận chất thải của cửa hàng.

Chương III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP THOÁT NƯỚC MƯA, THU GOM VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải

a. Nguồn gốc phát sinh:

** Nước thải sinh hoạt:*

Nước thải từ các hoạt động sinh hoạt của cán bộ, nhân viên, khách hàng tại Cửa hàng như: vệ sinh, rửa tay chân,...

- Lưu lượng nước thải sinh hoạt:

+ Lượng nước cấp sinh hoạt của cán bộ, nhân viên, khách hàng (theo *bảng 1.4*): 1,68 m³/ngày.

+ Theo *Nghị định 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 về thoát nước và xử lý nước thải*, lượng nước thải tính toán bằng 100% lượng nước cấp.

⇒ Lưu lượng nước thải tối đa: 1,68 m³/ngày.

** Nước thải từ hoạt động của cửa hàng xăng dầu:*

Các hoạt động của cửa hàng xăng dầu bao gồm: tưới cây, vệ sinh trụ bơm và vệ sinh nền bãi nhiễm dầu có khả năng làm phát sinh nước thải. Tham khảo theo các cửa hàng xăng dầu trên địa bàn tỉnh, các hoạt động này không thường xuyên, chỉ thực hiện theo định kỳ và lượng nước thải phát sinh không đáng kể, tối đa vào khoảng 1 m³/ngày.

Riêng đối với hoạt động rửa xe, do Cửa hàng không cung cấp dịch vụ này nên không phát sinh nước thải rửa xe.

** Nước mưa chảy tràn:*

Trong giai đoạn vận hành, nước mưa chảy tràn trên kết cấu mái công trình, sân bãi khuôn viên khu vực Cửa hàng có nồng độ các chất ô nhiễm khá thấp do mặt bằng khu vực Cửa hàng phần lớn được bê tông hoá, lớp đất mặt đã ổn định.

Tuy nhiên nước mưa chảy tràn qua một số khu vực trong khuôn viên Cửa hàng có khả năng nhiễm dầu nên sẽ được thu gom, xử lý trước khi xả thải ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

Lưu lượng nước mưa chảy tràn có khả năng nhiễm dầu của khu vực Cửa hàng được xác định bằng phương pháp cường độ mưa giới hạn (Theo TCXDVN

51:2008: thoát nước - mạng lưới và công trình bên ngoài - tiêu chuẩn thiết kế), công thức tính toán như sau: $Q = F \cdot A_{\max} \cdot \varphi$ ($\text{m}^3/\text{ngđ}$)

Trong đó:

+ F: Diện tích các khu vực có khả năng nhiễm dầu (Tổng diện tích Cửa hàng; 1.556 m^2 ; Diện tích các khu vực công trình có mái che: 328 m^2 . Như vậy, diện tích các khu vực có khả năng nhiễm dầu vào khoảng: 1.228 m^2).

+ φ : Hệ số thấm đất, bay hơi (chọn $\varphi=0,6$).

+ A_{\max} : Lượng mưa tháng cao nhất.

Tham khảo theo *Niên giám thống kê Quảng Trị*, lượng mưa trung bình tháng cao nhất là: $584,5 \text{ mm}$ (tháng 9). Lựa chọn $A_{\max} = 584,5 \text{ mm}$.

Thay số liệu vào công thức tính toán ta được:

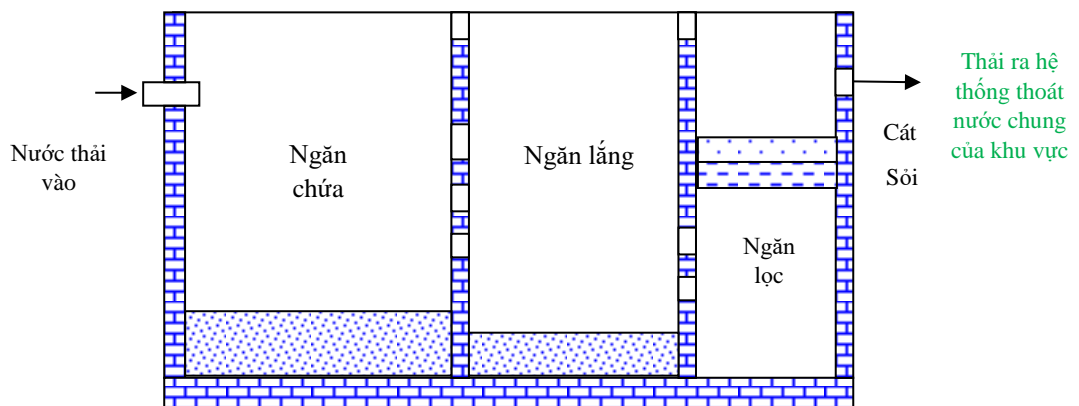
$$Q = 1.228 \times 584,5 / 1.000 \times 0,6/30 \approx 14,35 \text{ m}^3/\text{ngày}.$$

b. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý:

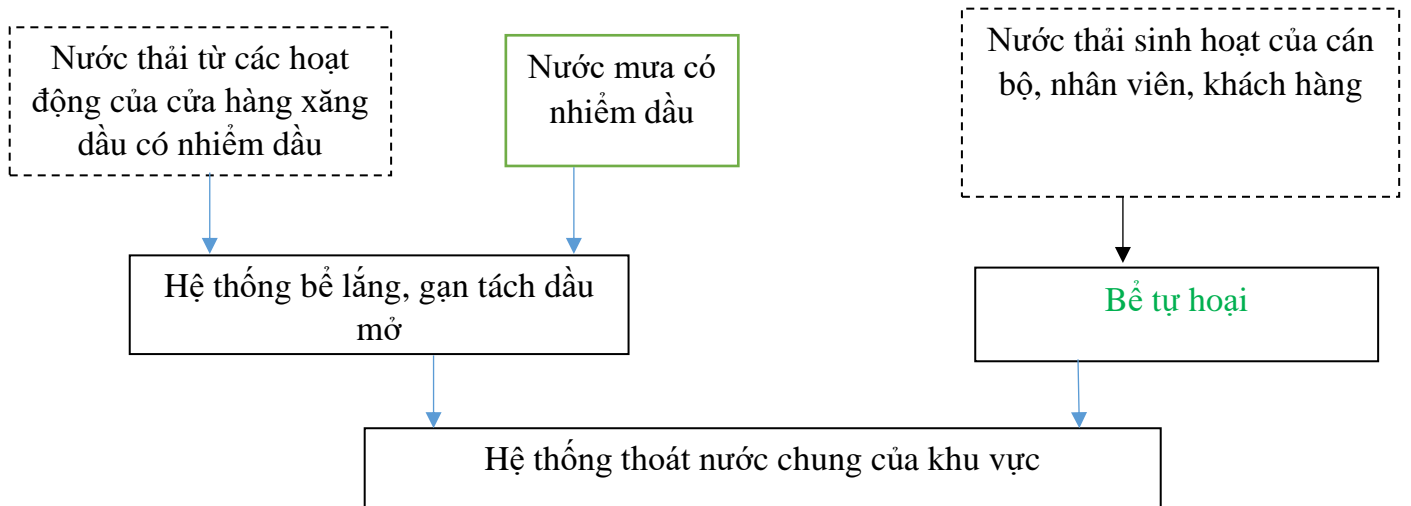
* *Đối với nước thải sinh hoạt:*

Nước thải sinh hoạt của Cửa hàng được thu gom, xử lý thông qua bể tự hoại 3 ngăn. Bể tự hoại là một công trình thực hiện đồng thời hai chức năng: lắng và phân huỷ cặn lắng. Phần cặn rắn sẽ được giữ lại trong bể từ 3 - 6 tháng. Trong thời gian này, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân huỷ, một phần tạo thành các chất khí, một phần tạo thành các chất vô cơ hoà tan. Phần cặn lắng sau thời gian lưu thích hợp sẽ thuê xe hút chuyên dùng (loại xe hút hầm cầu) mang đi xử lý. Nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại sau đó xả thải vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

Cửa hàng sẽ xây dựng 01 bể tự hoại có kết cấu: gạch, bê tông cốt thép, kích thước: dài x rộng x cao = $2,92\text{m} \times 1,92\text{m} \times 1,7\text{m}$,



Hình 3.1. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại



Hình 3.2. Sơ đồ thu gom và thoát nước thải tại cơ sở

* Công trình tiêu thoát, xử lý nước mưa chảy tràn và nước thải từ hoạt động của Cửa hàng xăng dầu:

Đối với nước mưa chảy tràn khu vực mái công trình không có nguy cơ bị nhiễm bẩn xăng dầu (được quy ước sạch), sẽ được thu gom và thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực. Cửa hàng sẽ đầu tư xây dựng hệ thống tuyến ống thoát nước mưa này tách riêng với tuyến thoát nước thải.

Đối với nước mưa có chảy tràn qua khu vực có nhiễm dầu của cửa hàng sẽ được thu gom, dẫn vào vào bể lắng gạn, tách dầu mỡ có kết cấu: bê tông cốt thép, kích thước: dài x rộng x cao = 3,0m x 1,5m x 2,1m.

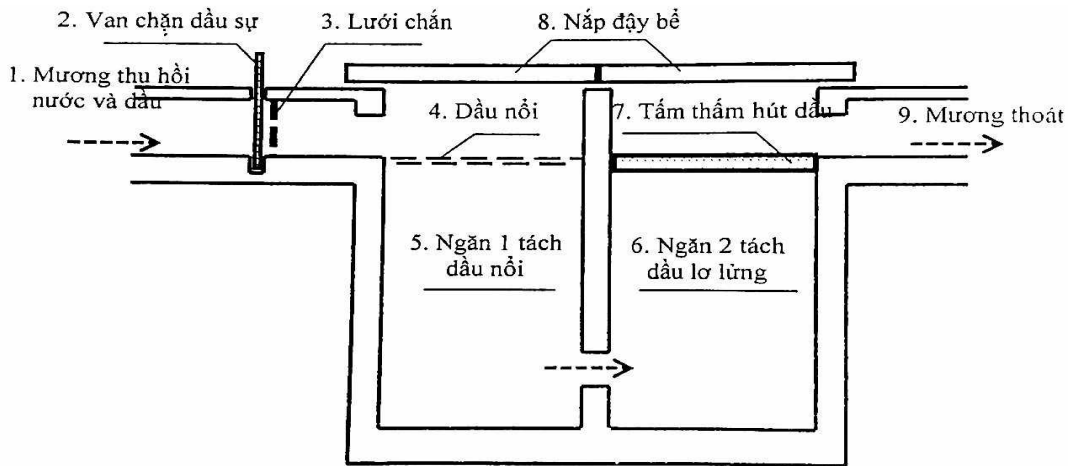
Đối với nước thải định kỳ từ các hoạt động của Cửa hàng xăng dầu bao gồm: vệ sinh thiết bị trụ bơm, vệ sinh nền bãi nhiễm dầu sẽ được thu gom, xử lý thông qua bể lắng gạn, tách dầu mỡ có kết cấu: bê tông cốt thép, kích thước: dài x rộng x cao = 3,0m x 1,5m x 2,1m sau đó xả thải vào hệ thống thoát nước chung của khu vực

Bể lắng gạn, tách dầu mỡ hoạt động dựa theo nguyên lý loại bỏ các tạp chất và dầu bằng trọng lực. Các tạp chất có kích thước lớn dưới tác dụng trọng lực sẽ lắng xuống, còn dầu mỡ trong nước sẽ nổi lên trên mặt nước và bị các vách ngăn giữ lại. Bên cạnh đó, tại bể lắng gạn, tách dầu mỡ sẽ được lắp đặt các khung vải lọc dầu đặc thù cách nhau 1-1,5m trong bể. Vải lọc dầu có kích thước 2m x 3m, dày 5mm được sản xuất từ 100% sợi tái chế của ngành công nghiệp dệt với đặc tính: Sợi vải có khả năng lọc dầu, váng dầu, các chất thải nhiễm dầu trong nước. Khi tiếp xúc với vải lọc dầu, dầu không chỉ bị thấm tại vị trí tiếp xúc với sợi mà bị hút vào toàn bộ sợi vải bởi lực mao dẫn. Khả năng lọc dầu không hề bị ảnh hưởng ngay khi vải ngập trong nước, dầu bị hút vào sẽ đẩy nước ra khỏi sợi vải

và chiếm chỗ. Dầu bị hút vào sợi vải có thể dễ dàng tách ra bằng biện pháp cơ học (vắt, ép, tách ly tâm...).

Nước mưa sau khi qua bể lắng gạn, tách dầu mỡ, đạt QCVN 29:2010/BTMNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu (giá trị Cmax, cột A), sau đó đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

Theo định kỳ (dự kiến khoảng 03 tháng/lần), Chủ dự án sẽ tiến hành kiểm tra, thay thế các tấm thấm hút dầu tại bể tách dầu, đồng thời nạo vét dầu tại cách vách ngăn, nạo vét bùn, đất, cát ở dưới đáy bể để thu gom, xử lý (theo chất thải nguy hại).



Hình 3.3. Cấu tạo bể lắng gạn, tách dầu mỡ

1.2. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

a. Nguồn gốc phát sinh:

Hoạt động kinh doanh xăng dầu không làm phát sinh nguồn thải bụi và khí thải. Bụi và khí thải phát sinh chủ yếu từ hoạt động vận chuyển xăng dầu và xe ra vào của khách hàng. Ngoài ra, quá trình hoạt động Cửa hàng làm phát sinh hơi xăng dầu.

b. Biện pháp giảm thiểu:

* Đối với bụi, khí thải độc hại:

Tác động của bụi và khí thải của các phương tiện giao thông ra vào khu vực Cửa hàng sẽ được giảm thiểu bằng các biện pháp sau đây:

- Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động như áo quần bảo hộ, khẩu trang chống bụi, găng tay... cho nhân viên làm việc tại Cửa hàng.

- Thường xuyên tưới nước làm ẩm khu vực sân bãi, đặc biệt là những ngày nắng. Bằng cách này có thể giảm lượng bụi và trung hòa khí độc hại đạt hiệu quả 70 - 85%.

- Bố trí rào chắn, biển báo hạn chế tốc độ các phương tiện khi đi vào cửa hàng và phân bố luồng xe ra vào hợp lý.

- Trồng cây xanh bên trong khuôn viên Cửa hàng xăng dầu nhằm tôn tạo cảnh quan, điều hòa vi khí hậu và góp phần không chế bụi.

** Đối với hơi xăng dầu:*

Hơi xăng dầu phát sinh chủ yếu là các khí thải thuộc nhóm VOC. Để giảm thiểu sự bay hơi VOC từ quá trình xuất nhập xăng dầu, Cửa hàng sẽ áp dụng đồng bộ các biện pháp sau đây:

- Luôn duy trì các thiết bị trong tình trạng hoạt động tốt, đảm bảo các bồn chứa xăng dầu luôn luôn kín.

- Xây dựng bể chứa ngầm xăng dầu, lắp đặt trạm bơm, đường ống công nghệ tuyệt đối không có sự rò rỉ bằng cách đầu tư mới thiết bị tiên tiến.

- Lắp đặt hệ thống công nghệ xuất nhập kín và thu hồi hơi xăng dầu. Lắp đặt van thở có áp suất dương: 350 - 400 mmHg và áp suất âm: 20 - 25 mmHg cho các bồn chứa xăng dầu.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì hệ thống ống để khắc phục hư hỏng.

- Thường xuyên huấn luyện nâng cao trình độ tay nghề cho cán bộ, nhân viên của cửa hàng.

- Lập kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống máy móc, thiết bị theo định kỳ, kiểm tra sự cân bằng của máy móc, thiết bị và vận hành đúng công suất thiết kế của nhà sản xuất.

Khi toàn bộ hệ thống đường ống, bồn chứa và thiết bị nhập xuất xăng dầu được thiết kế và lắp đặt với kỹ thuật hoàn hảo, vận hành an toàn nên quá trình bay hơi xăng dầu vào không khí sẽ được hạn chế tối đa. Do đó có thể dự báo rằng nồng độ VOC trong và ngoài khu vực cửa hàng sẽ đạt giá trị an toàn cho phép, không gây tác động đáng kể tới con người và môi trường.

1.3. Về công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn (gồm: rác thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại)

a. Nguồn gốc phát sinh:

- Chất thải rắn sinh hoạt: phát sinh từ hoạt động sinh hoạt hàng ngày của cán bộ, nhân viên làm việc tại Cửa hàng (khoảng 3 kg/ngày).

- CTNH có khả năng phát sinh từ quá trình sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị tại Cửa hàng; bùn thải từ các hố ga, quá trình xử lý nước thải (khoảng 20 kg/năm).

b. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý:

** Đối với chất thải rắn sinh hoạt:*

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong quá trình hoạt động của Cửa hàng chủ yếu là thức ăn thừa, chai lọ, bao bì, giấy catton, hộp nhựa, ...

- Tiến hành phân loại chất thải rắn sinh hoạt thành 3 nhóm: chất thải có thể tái chế, tái sử dụng; chất hữu cơ dễ phân hủy; nhóm chất thải khác (theo *Quyết định số 197/QĐ-UBND ngày 25/1/2024 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc hướng dẫn thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn tỉnh Thừa Quảng Trị đến năm 2025 định hướng đến năm 2030*).

- Yêu cầu nhân viên của cửa hàng và khách đến đổ xăng bỏ rác đúng nơi quy định, không vứt bừa bãi.

- Trang bị 02 thùng chứa (dung tích 100L/thùng) để thu gom chất thải sinh hoạt phát sinh.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo đúng quy định.

- Đối với các loại rác thải tái chế được như giấy, vỏ bia, vỏ nước ngọt, ... được thu gom hàng ngày và bán cho các đơn vị thu mua phế liệu.

** Đối với chất thải nguy hại:*

- CTNH có khả năng phát sinh (bình mẫu lưu xăng/dầu; giẻ lau dính dầu mỡ; bóng đèn huỳnh quang thải; hộp mực in thải; bùn thải từ các hố ga, quá trình xử lý nước thải) sẽ được thu gom và quản lý theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thực hiện phổ biến, hướng dẫn công nhân phân loại CTNH.

- Trang bị 03 thùng chứa chuyên dụng (dung tích 50L/thùng) để thu gom chất thải nguy hại phát sinh, có ghi tên, dán nhãn, mã CTNH để phân biệt với các loại chất thải khác.

- Xây dựng, bố trí nhà kho (diện tích khoảng 8 m²) để lưu giữ và quản lý CTNH.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý CTNH theo đúng quy định.

1.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật về môi trường

- Bố trí phương tiện ra vào Cửa hàng hợp lý, yêu cầu phương tiện sau khi đậu phải tắt máy.

- Thường xuyên kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng máy móc thiết bị phát sinh tiếng ồn tại Cửa hàng.

1.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

** Đối với sự cố cháy nổ:*

Xăng dầu là chất lỏng có nhiệt độ bắt cháy thấp, dễ cháy ở thể hơi, xăng dầu khi cháy tỏa nhiệt rất lớn. Do vậy, trong quá trình hoạt động cửa hàng đã áp dụng các biện pháp phòng ngừa cháy nổ như sau:

- Trang bị các phương tiện phòng cháy chữa cháy đúng qui định. Xây dựng phương án PCCC và thường xuyên luyện tập theo phương án đã được phê duyệt.

- Treo các bảng cấm lửa, cấm hút thuốc tại các vị trí trong khu vực cửa hàng. Yêu cầu các phương tiện tắt máy trước khi bơm xăng dầu.

- Các thiết bị điện được tính toán theo đúng qui phạm đối với công trình xăng dầu, dây dẫn có tiết diện phù hợp, tránh trường hợp bị quá tải.

- Lắp đặt hệ thống chống sét, chống tĩnh điện tích tụ theo đúng qui định. Thường xuyên kiểm tra định kỳ hệ thống chống sét, chống tĩnh điện để đảm bảo hoạt động tốt.

- Thường xuyên đào tạo, huấn luyện thành thạo nghiệp vụ PCCC, bảo vệ môi trường cho CBNV trong cửa hàng.

- Thực hiện đúng các qui trình, qui định của ngành về xuất nhập, bảo quản thiết bị, hàng hóa, tuyệt đối không để hiện tượng rò rỉ xảy ra, để dẫn đến sự cố cháy nổ.

** Đối với sự cố tràn dầu:*

- Xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu.

- Trang bị phương tiện, thiết bị ứng phó sự cố tràn dầu.

- Khi có sự cố xảy ra, Cửa hàng sẽ tự tổ chức triển khai ứng phó sự cố tràn dầu theo kế hoạch đã xây dựng (đối với sự cố ở quy mô nhỏ) hoặc phối hợp với UBND thị trấn Diên Sanh, UBND huyện Hải Lăng, Cảnh sát PCCC&CNCH Quảng Trị,... để được hỗ trợ ứng phó từ các lực lượng, phương tiện của các ban ngành chức năng (đối với sự cố vượt quá khả năng tự ứng phó của Cửa hàng).

** Đối với sự cố tai nạn giao thông:*

Để phòng ngừa và giảm thiểu tai nạn giao thông, Chủ dự án cam kết thực hiện các biện pháp sau:

- Bố trí nơi để xe đúng quy định không làm ảnh hưởng đến người và phương tiện tham gia giao thông.

- Hướng dẫn khách hàng cho xe ra, vào khu vực cửa hàng.

- Hạn chế tốc độ của các phương tiện khi đi ra vào khu vực cửa hàng.

- Có phương án xử lý, ứng phó kịp thời khi xảy ra tai nạn giao thông tại khu vực cửa hàng.

** Đối với sự cố tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp:*

Chủ dự án thực hiện các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp như sau:

- Ban hành các nội quy về an toàn vệ sinh lao động, các quy trình vận hành máy móc thiết bị và tổ chức đào tạo, huấn luyện cho cán bộ, nhân viên.

- Thực hiện tốt các chế độ chính sách cho người lao động về công tác bảo hộ lao động. Trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ lao động cho nhân viên.

- Thường xuyên chú trọng cải tiến, giảm thiểu các nguy cơ xảy ra tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

2. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Cửa hàng xăng dầu Hải Lăng sẽ thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động cửa hàng nhằm hạn chế tối đa tác động đến môi trường khu vực.

Danh mục các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường và dự toán kinh phí, kế hoạch thực hiện được thể hiện như sau:

Bảng 3.1. Danh mục các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

TT	Hạng mục	Công trình, biện pháp	Số lượng	Dự toán kinh phí (VNĐ)	Kế hoạch thực hiện/ xây lắp
I	Giai đoạn vận hành cửa hàng				
1	Hơi xăng dầu phát sinh từ hoạt động xuất, nhập xăng dầu	- Lắp đặt hệ thống công nghệ xuất nhập kín và thu hồi hơi xăng dầu	01 hệ thống		Đã lắp đặt
2	Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt	- Xây dựng bể tự hoại 3 ngăn (xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt)	01 bể		Đã lắp đặt
3	Thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn nhiễm dầu và các hoạt động của cửa hàng xăng dầu	- Xây dựng bể lắng gạn, tách dầu mỡ	01 bể		Đã xây dựng

TT	Hạng mục	Công trình, biện pháp	Số lượng	Dự toán kinh phí (VNĐ)	Kế hoạch thực hiện/ xây lắp
4	Thu gom, quản lý chất thải rắn sinh hoạt	- Trang bị thùng chứa (100L/ thùng)	02 thùng		Đã trang bị
5	Thu gom, quản lý chất thải nguy hại	- Trang bị các thùng chứa chuyên dụng	03 thùng		Đã trang bị
		- Xây dựng nhà kho quản lý CTNH	01 kho		

Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường theo từng giai đoạn thực hiện dự án như sau:

** Giai đoạn cửa hàng đang vận hành:*

Thành lập bộ phận chuyên trách về công tác bảo vệ môi trường của dự án (do cán bộ kiêm nhiệm), đội ứng phó sự cố môi trường nhằm quản lý, xử lý các vấn đề về môi trường trong quá trình dự án đi vào vận hành.

3. NHẬN XÉT VỀ MỨC ĐỘ CHI TIẾT, ĐỘ TIN CẬY CỦA CÁC KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO

- Về mức độ chi tiết của các kết quả đánh giá, dự báo:

Các kết quả đánh giá, dự báo tác động môi trường của cửa hàng xăng dầu tương đối chi tiết, cụ thể, dựa trên các cơ sở khoa học và yếu tố thực tế. Căn cứ vào các kết quả đánh giá, dự báo đó, có thể đề xuất, đưa ra các biện pháp bảo vệ môi trường, giảm thiểu tác động môi trường, phòng ngừa và ứng phó với các rủi ro sự cố môi trường một cách khả thi, hiệu quả.

- Về độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo:

Để dự báo, đánh giá tác động của dự án đến môi trường tự nhiên và kinh tế-xã hội khu vực, báo cáo đã sử dụng phương pháp phân tích, phương pháp kế thừa, phương pháp tổng hợp, so sánh.

+ Phương pháp phân tích: việc lấy mẫu, đo đạc và phân tích mẫu được áp dụng theo các Tiêu chuẩn và Quy chuẩn Việt Nam hiện hành; mẫu được lấy tại hiện trường và các thông số của mẫu được phân tích tại Phòng thử nghiệm của Phân Viện khoa học an toàn vệ sinh lao động và Bảo vệ môi trường Miền Trung. Đơn vị đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường). Đơn vị có các máy móc, thiết bị hiện đại, chuyên

dụng được sử dụng để phục vụ cho quá trình quan trắc môi trường, bảo đảm độ chính xác trong quá trình thực hiện. Do đó mức độ tin cậy của phương pháp cao.

+ Phương pháp kế thừa: Kế thừa các kết quả nghiên cứu về các điều kiện tự nhiên: khí hậu, thủy văn; địa lý, địa chất đã nghiên cứu tại khu vực dự án và các số liệu thực tế của các dự án tương tự. Các số liệu đều chính thống và có giá trị khoa học, thực tiễn cao.

+ Phương pháp so sánh: Dùng để đánh giá hiện trạng môi trường và các tác động của Dự án đến môi trường trong khu vực dựa trên các Tiêu chuẩn và Quy chuẩn Việt Nam hiện hành. Mức độ tin cậy cao.

+ Phương pháp tổng hợp: Tổng hợp các kết quả đánh giá tác động môi trường của dự án, từ đó đề xuất được các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường có tính khả thi.

Bảng 3.2. Độ tin cậy của các phương pháp đánh giá

STT	Phương pháp	Mức độ tin cậy	Ghi chú
1	Phân tích	Cao	- Thiết bị lấy mẫu, phân tích mới, hiện đại. - Dựa vào phương pháp lấy mẫu tiêu chuẩn.
2	Kế thừa	Cao	- Kế thừa các số liệu điều kiện tự nhiên: khí hậu, thủy văn; địa lý, địa chất đã nghiên cứu tại khu vực dự án. - Kế thừa các số liệu từ hoạt động của dự án có cùng loại hình, quy mô.
3	So sánh	Cao	- Có thể đánh giá được mức độ ô nhiễm trên cơ sở so sánh với các quy chuẩn môi trường. - Kết quả phân tích có độ tin cậy cao.
4	Tổng hợp	Trung bình	- Tổng hợp các kết quả đánh giá tác động môi trường và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường có tính khả thi.

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI

1.1. Nguồn phát sinh nước thải:

+ Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên và khách hàng.

+ Nguồn số 2: Nước mưa chảy tràn khu vực có nhiễm dầu cửa hàng, nước thải từ các hoạt động của cửa hàng xăng dầu bao gồm: súc rửa trụ bơm; vệ sinh nền bãi nhiễm dầu.

1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa:

+ Đối với nguồn số 1 (nước thải sinh hoạt): 1,68 m³/ngày đêm.

+ Đối với nguồn số 2 (nước thải từ các hoạt động của cửa hàng xăng dầu và nước mưa chảy tràn có nhiễm dầu cửa hàng cửa hàng): 14.35m³/ngày đêm.

Như vậy, tổng lưu lượng xả nước thải tối đa: **16,03 m³/ngày đêm.**

1.3. Dòng nước thải:

Chủ dự án đề nghị cấp phép 02 dòng nước thải bao gồm:

+ Dòng nước thải số 1: Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên và khách hàng (nguồn số 1) được thu gom và xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn sau đó xả thải vào hệ thống thoát nước chung của khu vực. Dòng nước thải sinh hoạt sau khi xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt

+ Dòng nước thải số 2: nước mưa chảy tràn khu vực có nhiễm dầu cửa hàng và nước thải từ các hoạt động của cửa hàng xăng dầu bao gồm: súc rửa trụ bơm; vệ sinh nền bãi nhiễm dầu (nguồn số 2), được thu gom và xử lý thông qua hệ thống bể lắng gạn, tách dầu mỡ, sau đó xả thải vào vào hệ thống thoát nước chung của khu vực. Dòng nước thải số 2 sau xử lý đạt QCVN 29:2010/BTNMT, cột A – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu

1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong dòng nước thải của Cơ sở trình bày chi tiết như sau:

Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải số 1

TT	Chất ô nhiễm	ĐVT	Giá trị giới hạn (*)
			QCVN 14:2008/BTNMT (giá trị Cmax, cột A, hệ số K = 1,2)
1	pH	-	5 - 9
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	60
3	Nhu cầu ôxy hoá học (COD)	mg/l	-
4	Dầu mỡ khoáng	mg/l	-
5	BOD ₅ (20°C)	mg/l	36
6	Tổng chất rắn hoà tan	mg/l	600
7	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,2
8	Amoni (tính theo N)	mg/l	6
9	Nitrat (tính theo N)	mg/l	36
10	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	12
11	Phosphat (tính theo P)	mg/l	7,2
12	Tổng Coliforms	MPN/100mL	3.000

Ghi chú: (*) Giá trị giới hạn được căn cứ theo QCVN 29:2010/BTMNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu (giá trị Cmax, cột A); QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (giá trị Cmax, cột A, hệ số K=1,2).

Bảng 4.2. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải số 2

TT	Chất ô nhiễm	ĐVT	Giá trị giới hạn (**)
			QCVN 29:2010/BTMNT (giá trị Cmax, cột A)
1	pH	-	6 - 9
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50
3	Nhu cầu ôxy hoá học (COD)	mg/l	50

4	Dầu mỡ khoáng	mg/l	5
---	---------------	------	---

Ghi chú: (**) Giá trị giới hạn được căn cứ theo QCVN 29:2010/BTMNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu (giá trị Cmax, cột A).

1.5. Vị trí, phương thức xả thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

+ Vị trí xả nước thải 1: Tại điểm đầu nối dòng nước thải số 1 với hệ thống mương thoát nước chung của khu vực, có tọa độ (theo hệ VN-2000, kinh tuyến 107, múi chiều 3⁰): X=1845427 (m); Y=446658 (m).

+ Vị trí xả nước thải 2: Tại điểm đầu nối dòng nước thải số 2 với hệ thống mương thoát nước chung của khu vực, có tọa độ (theo hệ VN-2000, kinh tuyến 107, múi chiều 3⁰): X=1845420 (m); Y=446655 (m).

+ Phương thức xả thải: tự chảy. Toàn bộ nước thải của dự án sau khi xử lý, tự chảy vào mương thoát nước và thải ra hệ thống nước chung của khu vực

+ Nguồn tiếp nhận nước thải: hệ thống thoát nước chung trên tuyến đường Quốc lộ 1A – Thị trấn Diên Sanh.

- Chất lượng nước thải đề nghị cấp phép xả thải: Chất lượng nước thải sinh hoạt sau khi xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột A); nước thải có nhiễm dầu mỡ được xử lý đạt QCVN 29:2010/BTNMT, cột A – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu.

2. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP VỚI KHÍ THẢI

Không.

3. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

Không.

Chương V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI

1.1. Nước thải đầu ra

Đơn vị hợp đồng với Phân viện khoa học an toàn vệ sinh lao động và bảo vệ môi trường Miền Trung thực hiện quan trắc môi trường tại CHXD Hải Lăng. Kết quả phân tích nước thải có lẫn dầu sau xử lý tại hố ga cuối cùng trước khi thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực năm 2023 được thể hiện tại bảng sau:

Bảng 5.1. Kết quả chất lượng nước thải đầu ra CHXD Hải Lăng

TT	Chất ô nhiễm	ĐVT	Giá trị giới hạn (*)		
			Tháng 11/2023	QCVN 29:2010/BTNMT NT (giá trị Cmax, cột A)	QCVN 14:2008/BTNMT T (giá trị Cmax, cột A, hệ số K = 1,2)
1	pH	-	6,8	6 - 9	5 - 9
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	<2,0	50	60
3	Nhu cầu oxy hoá học (COD)	mg/l	<30	50	-
4	Dầu mỡ khoáng	mg/l	<0,3	5	-

Nhận xét: Qua Bảng nhận thấy nước thải khi qua xử lý của CHXD Hải Lăng khi so với QCVN 29:2010/BTNMT (cột A) và QCVN 14:2008/BTNMT (giá trị Cmax, cột A, hệ số K = 1,2) thì các chỉ tiêu đều nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn

1.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải

Đơn vị đã hợp đồng với Phân viện khoa học an toàn vệ sinh lao động và bảo vệ môi trường Miền Trung thực hiện quan trắc môi trường tại CHXD Hải Lăng. Kết quả phân tích Không khí xung quanh tại cơ sở năm 2023 được thể hiện tại các bảng sau:

Bảng 5.2. Kết quả chất lượng không khí xung quanh tại cơ sở

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	Tháng 11/2023	QCVN 05:2013/BTNMT (trung bình 1 giờ)
1	Bụi	mg/m ³	182	< 300
2	Tiếng ồn (2)	dBA	59	< 70

Chương VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật.

1.1 Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:

Căn cứ khoản 2 Điều 111 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì cơ sở Cửa hàng xăng dầu Hải Lãng không thuộc đối tượng phải thực hiện chương trình quan trắc định kỳ đối với nước thải.

Căn cứ khoản 2 Điều 112 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì cơ sở Cửa hàng xăng dầu Hải Lãng không thuộc đối tượng phải thực hiện chương trình quan trắc định kỳ đối với bụi, khí thải công nghiệp.

1.2 Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:

Căn cứ khoản 1 Điều 111 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì cơ sở Cửa hàng xăng dầu Hải Lãng không thuộc đối tượng phải thực hiện chương trình quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải.

Căn cứ khoản 1 Điều 112 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì cơ sở Cửa hàng xăng dầu Hải Lãng không thuộc đối tượng phải thực hiện chương trình quan trắc tự động, liên tục đối với bụi, khí thải công nghiệp.

1.3 Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở:

Để theo dõi chất lượng nước thải sau xử lý, Cửa hàng xăng dầu Hải Lãng đề xuất thực hiện chương trình quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải như sau:

- Vị trí: Tại hố ga cuối cùng trước khi thoát ra hệ thống thoát nước chung.
- Tần suất quan trắc: 05 năm/lần.
- Thông số giám sát: pH, COD, TSS, Dầu mỡ khoáng, BOD5 (20°C), Amoni (tính theo N), Dầu mỡ động, thực vật, Phosphat (tính theo P), Tổng Coliforms
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 29:2010/BTNMT, cột A, QCVN 14:2008/BTNMT

1.4 Kinh phí thực hiện quan trắc hằng năm:

STT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	Chi phí phân tích các mẫu nước/năm				1.020.000

STT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
a./	Phân tích chất lượng nước thải đầu ra theo QCVN 29:2010/BTNMT				
1	pH	-	2	60.000	120.000
2	COD	mg/l	2	120.000	240.000
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	2	80.000	160.000
4	Dầu mỡ khoáng	mg/l	2	250.000	500.000
b./	Phân tích mẫu nước thải sinh hoạt theo quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT				
1	BOD ₅ (20°C)	mg/l	2	200.000	400.000
2	Amoni (tính theo N)	mg/l	2	195.000	390.000
3	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	2	200.000	400.000
4	Phosphat (tính theo P)	mg/l	2	190.000	380.000
5	Tổng Coliforms	MPN/100mL	2	250.000	500.000
II	Chi phí nhân công phân tích trong một lần lấy mẫu	lần	2	500.000	1.000.000
III	Thuê đơn vị tư vấn tổng hợp báo cáo giám sát	lần	1	1.000.000	1.000.000
	Tổng kinh phí thực hiện giám sát nước thải/năm (I+II+III)				5.090.000

Chương VII CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Trong quá trình thực hiện dự án, Chi Nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Miền Trung tại Quảng Trị xin cam kết về việc thực hiện xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan, bao gồm:

- Thu gom, xử lý nước thải từ quá trình vận hành dự án đạt QCVN 29:2010/BTMNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu (giá trị C_{max} , cột A); QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (giá trị C_{max} , cột A, hệ số $K=1,2$) trước khi xả thải vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung phát sinh từ quá trình vận hành cửa hàng xăng dầu.

- Thực hiện các biện pháp thu gom, quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành cửa hàng xăng dầu, hợp đồng đơn vị có chức năng để xử lý theo đúng quy định, tránh gây ảnh hưởng đến mỹ quan và môi trường khu vực.

- Cam kết hoàn thành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

- Cam kết xả thải đúng theo giấy phép môi trường đã được cấp.

- Chúng tôi xin cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và các giấy tờ liên quan;
- Bản vẽ bản vẽ thiết kế thi công các công trình bảo vệ môi trường;
- Các phiếu kết quả đo đạc, phân tích mẫu môi trường (03 đợt khảo sát);
- Sơ đồ vị trí lấy mẫu của chương trình quan trắc môi trường.